

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD4 N h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101709 - V t l ĩ E i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030818	36CXD4	Nguy n V ã Anh	23/03/1994				8.0			8.0	2.4	5.3	3.7	6.1	
2	3671030781	36CXD4	Nguy n V ã C u	11/06/1994				5.0			5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
3	3671030784	36CXD4	Lê Bá C ng	01/07/1994				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
4	3671030823	36CXD4	Tr n Ho ã Tr ' C ng	01/12/1994				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
5	3671030804	36CXD4	L ng Ng c Chí	15/01/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
6	3671030761	36CXD4	Hu nh Thanh Chúc	10/01/1994				5.0			5.0	1.5	3.8	2.7	4.2	
7	3671030788	36CXD4	Nguy n C ãng Duy	08/05/1993				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	N HP
8	3671030502	36CXD4	Nguy n Qu c Duy	07/10/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
9	3671030899	36CXD4	Lê Anh D ãg	09/09/1994				6.0			6.0	1.8	1.8	1.3	3.1	
10	3671030852	36CXD4	Nguy n Tr n ã i	01/11/1993				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
11	3671030847	36CXD4	Ho àng Minh ã c	20/02/1993				7.0			7.0	2.1	6.3	4.4	6.5	
12	3671030902	36CXD4	Nguy n Anh ã c	14/10/1994				5.0			5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
13	3671030766	36CXD4	Hu nh Tam Giang	27/08/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
14	3671030786	36CXD4	Lê Xuân Hi u	09/02/1992				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
15	3671030861	36CXD4	Nguy n Ng c Hi u	12/10/1993				6.0			6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
16	3671032008	36CXD4	Nguy n Thanh Kh i Ho àng	26/02/1994				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
17	3671030896	36CXD4	Võ Minh Ho àng	02/09/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
18	3671030798	36CXD4	Nguy n Th ' i Hòa	17/02/1991				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
19	3671030866	36CXD4	H ã o ã Qu c Huy	26/04/1994				7.0			7.0	2.1	2.8	2.0	4.1	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD4 Nĩm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122067101709 - V t lĩ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671030762	36CXD4	Tr n V ã H ng	11/08/1993				7.0			7.0	2.1	4.8	3.4	5.5	
21	3671030895	36CXD4	Nguy n Quang K m Kĩ t	13/06/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
22	3671030846	36CXD4	Nguy n Vi t L c	24/09/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
23	3671030756	36CXD4	V ½ V ã M n	06/10/1994				5.0			5.0	1.5	3.5	2.5	4.0	
24	3671031603	36CXD4	Tr ng Cao Minh	11/12/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
25	3671030882	36CXD4	Ph m Tr n Th ãnh Nam	30/09/1994				8.0			8.0	2.4	4.8	3.4	5.8	
26	3671030887	36CXD4	Nguy n V ã Ngoan	17/04/1994				4.0			4.0	1.2	4.5	3.2	4.4	
27	3671030752	36CXD4	Phan Phong Nh ã	05/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
28	3671030840	36CXD4	L ² Tr ng Nhân	14/05/1994				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
29	3671030735	36CXD4	Nguy n V ã Phát	10/08/1994				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
30	3671031870	36CXD4	Nguy n Thanh Phong	07/01/1994				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	
31	3671030862	36CXD4	Nguy n Ho ãng Phú	29/01/1994				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
32	3671031952	36CXD4	Lê Duy Ph ng	12/09/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
33	3671030879	36CXD4	Nguy n V ãh Ph ng	20/01/1993				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
34	3671030729	36CXD4	Nguy n Minh Quang	23/06/1994				6.0			6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
35	3671030758	36CXD4	Th Quang Rim	15/10/1993				5.0			5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
36	3671030807	36CXD4	Bùi Thanh Sang	14/03/1994				6.0			6.0	1.8	4.8	3.4	5.2	
37	3671030789	36CXD4	Nguy n Ng c Tài	19/07/1994				7.0			7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
38	3671030727	36CXD4	Hu nh V ã Tâm	17/09/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD4 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067101709 - V t l ấ L i c ng 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030875	36CXD4	L ² H u Tâm	24/02/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
40	3671030836	36CXD4	ấ ng Th ấ h Tân	21/01/1994				5.0			5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
41	3671030802	36CXD4	Nguy n V ấ h Tiên	08/05/1993				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
42	3671030799	36CXD4	Nguy n Ph m Minh T i n	23/04/1994				7.0			7.0	2.1	3.3	2.3	4.4	
43	3671030868	36CXD4	L ý Chánh Tín	26/03/1994				5.0			5.0	1.5	5.3	3.7	5.2	
44	3671032050	36CXD4	Nguy n ấ c Tính	29/07/1994				5.0			5.0	1.5	2.5	1.8	3.3	
45	3671030893	36CXD4	Ng» B o Toàn	28/05/1991				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
46	3671030774	36CXD4	Nguy n ấ c Toàn	07/08/1992				6.0			6.0	1.8	1.8	1.3	3.1	
47	3671030821	36CXD4	Ć u D ng Tu n	12/08/1994				5.0			5.0	1.5	4.3	3.0	4.5	
48	3671030876	36CXD4	Th p V ấ h Tuy n	20/03/1992				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	N HP
49	3671030734	36CXD4	ấ o ấ Thanh Tú	16/01/1993				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
50	3671030772	36CXD4	Tr n V ấ h Thao	06/12/1993				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
51	3671030777	36CXD4	Nguy n Ch ng Th ng	18/05/1993				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	N HP
52	3671030870	36CXD4	Tr n V ấ h Th nh	25/01/1994				5.0			5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	
53	3671030792	36CXD4	Tr n Th Th ng	19/03/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
54	3671030873	36CXD4	Ng» V ấ h Trung	07/11/1994				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
55	3671030730	36CXD4	Nguy n Th V ấ h	04/03/1994				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	

T ñg s : 55 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ñg Khoa

Gi" o Vi²n B M»n

Gi" o V Khoa